

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA  
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
Số ~~214~~ /CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC  
Hợp nhất bán niên soát xét  
năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính Hợp nhất Bán niên soát xét năm 2020 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo soát xét của Kiểm toán, Báo cáo BCKTKT tại ngày 30/06/2020, BCKQKD 06 tháng năm 2020, BCLCGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2020, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2020.
  - 6.2 Các nội dung giải trình:
    - 6.2.1 **Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất bán niên soát xét năm 2020 thay đổi từ 10% trở lên so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2019, cụ thể:**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2020 giảm 43% so với cùng kỳ 2019 tương ứng với giảm **45,41 tỷ đồng**, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 từ đó làm sản lượng tiêu thụ bia giảm 11,57 triệu lít bia các loại so với cùng kỳ.
    - 6.2.2 **Số liệu KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo KQHĐKD trong BCTC hợp nhất Quý II/2020 đã công bố so với BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2020 có sự chênh lệch từ 5% trở lên, cụ thể:**

Trong kỳ Công ty đã trình bày, phân loại tại chỉ tiêu chi phí bán hàng với chỉ tiêu giá vốn hàng bán với số tiền **4,3 tỷ**. Đồng thời Công ty loại trừ bổ sung giao dịch nội bộ tại chỉ tiêu thu nhập khác và chỉ tiêu chi phí khác với số tiền **8,28 tỷ** khi hợp nhất với Công ty con. Việc phân loại và điều chỉnh này đã không làm ảnh hưởng đến Kết quả lợi nhuận sau thuế đã công bố tại BCTC hợp nhất Quý II/2020 trước đó.

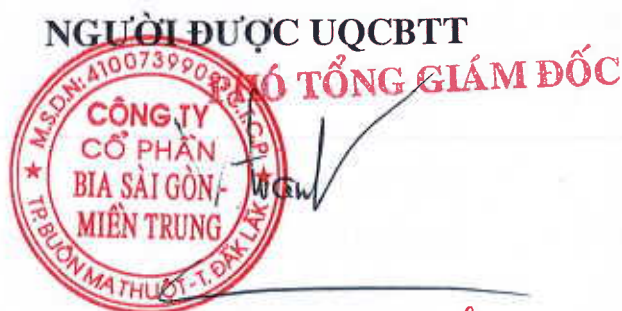
Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh như doanh thu, giá vốn, thu nhập khác và chi phí khác cùng kỳ năm 2019 được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích so sánh. Việc phân loại và trình bày lại này không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của cùng kỳ năm 2019 đã công bố trước đó.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính Bán niên soát xét năm 2020 để thuyết minh lợi nhuận sau thuế TNDN chênh lệch từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://biasaigonmt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: *WCA*  
- Như trên  
- Lưu VT



*Vũ Tuấn Anh*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung  
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận đăng ký  
Doanh nghiệp số**

3503000233  
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008  
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Du An  
Ông Huỳnh Văn Dũng  
Bà Nguyễn Thị Phước  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Dũng  
Ông Trịnh Văn Thảo  
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Huỳnh Văn Dũng  
Ông Võ Thanh Điền  
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Số 1 Nguyễn Văn Linh  
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột  
Tỉnh Đắk Lắk  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thủy mai Ban Điều hành   
  
Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 7 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00278-20-3



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>361.730.359.864</b>	<b>272.037.901.806</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>87.623.059.404</b>	<b>3.174.483.781</b>
Tiền	111		12.623.059.404	3.174.483.781
Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>8(a)</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.345.364.108</b>	<b>68.088.565.698</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	34.329.621.318	59.325.698.021
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.567.419.218	5.702.772.397
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.055.770.655	3.629.976.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.655.325.086)	(1.655.325.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.047.878.003	1.085.444.009
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>158.422.221.490</b>	<b>193.707.783.423</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.339.714.862</b>	<b>7.067.068.904</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.305.262.465	7.063.157.669
Thuế phải thu Nhà nước	153		34.452.397	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>502.085.244.940</b>	<b>525.436.881.737</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>415.938.112.918</b>	<b>439.414.470.274</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	415.426.195.158	438.890.152.512
Nguyên giá	222		1.462.426.294.995	1.444.929.671.500
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.047.000.099.837)	(1.006.039.518.988)
Tài sản cố định vô hình	227	12	511.917.760	524.317.762
Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(894.739.202)	(882.339.200)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>7.725.507.814</b>	<b>7.905.148.336</b>
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.070.330.257)	(1.890.689.735)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.155.721.937</b>	<b>1.681.717.228</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.155.721.937	1.681.717.228
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8(b)</b>	<b>19.406.520.000</b>	<b>19.406.520.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.859.382.271</b>	<b>57.029.025.899</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	54.109.346.662	53.278.990.290
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.750.035.609	3.750.035.609
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>863.815.604.804</b>	<b>797.474.783.543</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>362.930.076.068</b>	<b>325.464.327.250</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>338.662.513.817</b>	<b>301.982.357.624</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	51.470.608.932	27.345.187.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.198.817.456	2.325.543.973
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	114.235.163.527	137.445.298.890
Phải trả người lao động	314		24.783.609.920	14.711.831.674
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.818.175.929	6.535.391.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	32.854.350
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.143.536.833	50.706.168.524
Vay ngắn hạn	320	19	108.255.837.646	60.109.306.459
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	8.756.763.574	2.770.773.797
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.267.562.251</b>	<b>23.481.969.626</b>
Phải trả dài hạn khác	337		5.830.500.000	5.497.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	18.437.062.251	17.984.469.626
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>500.885.528.736</b>	<b>472.010.456.293</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>500.885.528.736</b>	<b>472.010.456.293</b>
Vốn cổ phần	411	23	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	74.810.094.569	64.457.934.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.596.719.474	109.073.807.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.599.641.028	6.493.874.397
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		59.997.078.446	102.579.932.667
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>863.815.604.804</b>	<b>797.474.783.543</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND (Phân loại lại)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>558.131.152.298</b>	<b>779.196.016.804</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>1.063.956.058</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>558.131.152.298</b>	<b>778.132.060.746</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>431.272.618.818</b>	<b>598.575.787.294</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>126.858.533.480</b>	<b>179.556.273.452</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		94.653.271	31.784.902
Chi phí tài chính	22		1.845.981.692	2.701.748.001
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.845.910.206	2.701.748.001
Chi phí bán hàng	25	28	18.729.909.127	18.100.074.411
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	36.125.787.727	34.640.466.624
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>70.251.508.205</b>	<b>124.145.769.318</b>
Thu nhập khác	31	30	7.484.452.072	12.047.158.633
Chi phí khác	32		2.739.612.221	4.432.281.119
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.744.839.851</b>	<b>7.614.877.514</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>74.996.348.056</b>	<b>131.760.646.832</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>14.999.269.610</b>	<b>26.352.204.546</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>-</b>	<b>529.200</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>59.997.078.446</b>	<b>105.407.913.086</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.010	3.532

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>74.996.348.056</b>	<b>131.760.646.832</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	41.152.621.373	46.477.655.512
Các khoản dự phòng	03	550.000.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.979.030)	(31.733.188)
Chi phí lãi vay	06	1.845.910.206	2.701.748.001
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>118.450.900.605</b>	<b>180.908.317.157</b>
Biến động các khoản phải thu	09	26.712.660.428	36.564.988.668
Biến động hàng tồn kho	10	35.285.561.933	16.427.157.637
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	24.370.637.383	(31.861.461.881)
Biến động chi phí trả trước	12	1.927.538.832	1.958.051.946
		<b>206.747.299.181</b>	<b>203.997.053.527</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.851.578.613)	(2.827.326.485)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.294.585.770)	(17.064.530.028)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	716.750.000	682.855.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.914.957.598)	(13.373.330.439)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>155.402.927.200</b>	<b>171.414.721.575</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(16.315.628.204)	(32.209.833.726)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(70.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	93.979.030	31.733.188
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(86.221.649.174)</b>	<b>(32.178.100.538)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	352.100.000.000	403.950.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(303.953.468.813)	(435.786.937.626)
Tiền chi trả cổ tức	36	(32.879.233.590)	(83.920.969.476)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>15.267.297.597</b>	<b>(115.757.907.102)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>84.448.575.623</b>	<b>23.478.713.935</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.174.483.781</b>	<b>28.664.063.900</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>87.623.059.404</b>	<b>52.142.777.835</b>

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên  
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 474 nhân viên (1/1/2020: 495 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng**

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

#### **5. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

#### **6. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.079.000.462	289.967.829
Tiền gửi ngân hàng	11.544.058.942	2.884.515.952
Các khoản tương đương tiền	75.000.000.000	-
	87.623.059.404	3.174.483.781

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,25% một năm (1/1/2020: Không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền có giá trị là 75.000 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19(a)).

**8. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,7% đến 7,15% một năm (1/1/2020: Không).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>				
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>% sở hữu và quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.933.154.439	52.036.671.280
Các khách hàng khác	6.396.466.879	7.289.026.741
	<b>34.329.621.318</b>	<b>59.325.698.021</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.933.154.439	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	165.965.860	4.823.629

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**10. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	47.704.453.442	-	67.476.529.481	-
Công cụ và dụng cụ	60.040.095.026	-	57.544.241.188	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.468.181.573	-	27.877.475.066	-
Thành phẩm	24.196.938.367	-	40.783.135.885	-
Hàng hóa	10.619.546	-	16.209.881	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	10.191.922	-
	<b>158.422.221.490</b>	<b>-</b>	<b>193.707.783.423</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	244.323.071.558	1.169.673.893.762	22.980.338.404	6.779.888.942	1.172.478.834	1.444.929.671.500
Tăng trong kỳ	-	490.930.000	-	-	-	490.930.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.811.961.304	12.193.732.191	-	-	-	17.005.693.495
Số dư cuối kỳ	249.135.032.862	1.182.358.555.953	22.980.338.404	6.779.888.942	1.172.478.834	1.462.426.294.995
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	105.795.361.702	882.931.980.404	12.193.283.871	4.311.468.283	807.424.728	1.006.039.518.988
Khấu hao trong kỳ	6.508.999.822	33.127.958.340	994.452.894	308.044.849	21.124.944	40.960.580.849
Số dư cuối kỳ	112.304.361.524	916.059.938.744	13.187.736.765	4.619.513.132	828.549.672	1.047.000.099.837
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	138.527.709.856	286.741.913.358	10.787.054.533	2.468.420.659	365.054.106	438.890.152.512
Số dư cuối kỳ	136.830.671.338	266.298.617.209	9.792.601.639	2.160.375.810	343.929.162	415.426.195.158

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 516.975 triệu VND (1/1/2020: 373.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 51.648 triệu VND (1/1/2020: 24.498 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Khấu hao trong kỳ	-	-	12.400.002	12.400.002
Số dư cuối kỳ	-	677.656.962	217.082.240	894.739.202
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762
Số dư cuối kỳ	500.000.000	-	11.917.760	511.917.760

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 783 triệu VND (1/1/2020: 783 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.317.846.814	5.497.487.336
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<b>7.725.507.814</b>	<b>7.905.148.336</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.388.177.071
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.890.689.735
Khấu hao trong kỳ	179.640.522
	2.070.330.257
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	5.497.487.336
Số dư cuối kỳ	5.317.846.814

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.407.661.000

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	1.681.717.228	3.137.472.391
Tăng trong kỳ	16.479.698.204	42.878.021.452
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.005.693.495)	(23.750.128.083)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(616.831.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(24.065.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(113.073.594)
Số dư cuối kỳ	1.155.721.937	21.511.396.166

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	23.861.350.251	12.631.922.278	12.292.731.191	4.492.986.570	53.278.990.290
Tăng trong kỳ	8.951.350.568	6.110.675.208	-	201.052.107	15.263.077.883
Phân bổ trong kỳ	(6.816.024.860)	(5.223.505.163)	(459.488.040)	(1.933.703.448)	(14.432.721.511)
Số dư cuối kỳ	25.996.675.959	13.519.092.323	11.833.243.151	2.760.335.229	54.109.346.662

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	31.230.898.487	9.474.647.773
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	3.760.026.930	2.768.388.425
Các nhà cung cấp khác	16.479.683.515	15.102.151.762
	51.470.608.932	27.345.187.960

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	31.230.898.487	9.474.647.773
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	563.877.072	29.194.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	2.651.055.165

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.188.702.866	129.347.777.627	(63.817.721.120)	(65.296.297.701)	12.422.461.672
Thuế tiêu thụ đặc biệt	101.648.752.405	411.101.347.430	-	(423.025.421.954)	89.724.677.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.745.258.740	14.999.269.610	-	(25.294.585.770)	10.449.942.580
Thuế thu nhập cá nhân	2.822.625.990	2.740.676.775	-	(5.208.207.484)	355.095.281
Tiền thuê đất, thuế đất	-	3.302.341.619	-	(2.039.167.678)	1.263.173.941
Các loại thuế khác	39.958.889	364.363.457	-	(384.510.174)	19.812.172
	137.445.298.890	561.855.776.518	(63.817.721.120)	(521.248.190.761)	114.235.163.527

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	10.227.243.273	43.106.476.863
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.545.517.800	1.488.144.200
Phải trả ngắn hạn khác	6.370.775.760	6.111.547.461
	18.143.536.833	50.706.168.524

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/6/2020	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	35.500.000.000	352.100.000.000	(297.800.000.000)	89.800.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	24.609.306.459	-	(6.153.468.813)	18.455.837.646		
	60.109.306.459	352.100.000.000	(303.953.468.813)	108.255.837.646		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5,0%	40.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Lập (ii)	VND	5,25%	25.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	5,5%	5.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (iv)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên của Nhóm Công ty (iv)	VND	6,2%	1.400.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	VND	6,0%	-	3.600.000.000
			89.800.000.000	35.500.000.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 28.597 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11) và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Tân Lập có hạn mức tín dụng là 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Agribank tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có giá trị là 75.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7) và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, và từ nhân viên của Nhóm Công ty không có đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	9,8%	2020	8.812.500.000	11.750.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	9,8%	2020	9.643.337.646	12.859.306.459
				18.455.837.646	24.609.306.459
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(18.455.837.646)	(24.609.306.459)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.051 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 24.498 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTB ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 11).

## 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	2.770.773.797	2.652.858.611
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	30.086.790.000	14.195.077.642
Tăng khác	715.850.000	682.855.000
Sử dụng trong kỳ	(24.816.650.223)	(13.319.532.189)
Số dư cuối kỳ	8.756.763.574	4.211.259.064

## 21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.569.168.525	8.415.301.101	17.984.469.626
Dự phòng trích lập trong kỳ	550.000.000	-	550.000.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(97.407.375)	-	(97.407.375)
Số dư cuối kỳ	10.021.761.150	8.415.301.101	18.437.062.251

- (\*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	87.382.525.162	443.318.897.268
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	105.407.913.086	105.407.913.086
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức	-	-	-	(59.693.296.000)	(59.693.296.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019</b>	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	111.901.787.483	474.838.436.712
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	101.635.287.581	101.635.287.581
Cổ tức	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	59.997.078.446	59.997.078.446
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ an sinh xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	127.596.719.474	500.885.528.736

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### **23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### **24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHCD ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Nhóm Công ty là 10.352 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 7.000 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	30/6/2020	1/1/2020	Kỳ hạn thuê	Ngày đáo hạn thông báo thuê
Lô đất 1	323.024.436	646.048.872	31/1/2058	31/12/2020
Lô đất 2	4.857.439.104	5.797.588.608	31/1/2058	30/1/2023
Lô đất 3	542.598.433	584.882.523	31/12/2048	31/12/2020
Lô đất 4	217.369.424	234.060.335	31/12/2048	31/12/2020
Lô đất 5	1.177.695.641	1.268.210.412	31/12/2048	31/12/2020
Lô đất 6	311.017.055	335.496.982	31/12/2048	31/12/2020
Lô đất 7	91.077.885	129.027.004	10/10/2036	30/6/2021
Lô đất 8	118.008.000	165.211.200	10/10/2036	9/10/2021
Lô đất 9	1.356.257.280	24.104.640	10/10/2036	5/3/2025
Lô đất 10	707.207.622	1.001.877.465	10/10/2036	30/6/2021
Lô đất 11	226.342.080	320.651.280	10/10/2036	30/6/2021
Lô đất 12	453.240.656	489.844.833	31/12/2048	31/12/2020
Văn phòng 1	6.000.000	12.000.000	31/12/2020	31/12/2020
Văn phòng và nhà xưởng Xe	36.000.000	-	31/12/2020	31/12/2020
	120.000.000	-	31/12/2020	31/12/2020
	<u>10.543.277.616</u>	<u>11.009.004.154</u>		

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	98	2.268.398	102	2.362.678
EUR	577	14.852.046	591	15.275.526
		<u>17.120.444</u>		<u>17.638.204</u>

**(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	Đơn vị	30/6/2020	1/1/2020
Bia Lowen 330	Két	600	5.322
Bia Sài Gòn 355	Két	290	290
		<u>890</u>	<u>5.612</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND (Phân loại lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	531.576.982.120	763.637.294.739
▪ Cung cấp dịch vụ	17.199.983.209	6.387.410.955
▪ Doanh thu khác	9.354.186.969	9.171.311.110
	<hr/>	<hr/>
	558.131.152.298	779.196.016.804
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại		- 1.063.956.058
	<hr/>	<hr/>
	558.131.152.298	778.132.060.746

**27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND (Phân loại lại)
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	426.878.155.571	595.579.508.506
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.356.518.037	2.152.764.988
▪ Giá vốn khác	1.503.450.651	843.513.800
	<hr/>	<hr/>
	431.272.618.818	598.575.787.294

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	4.104.214.245	3.558.840.345
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	4.048.330.403	3.799.948.957
Chi phí khấu hao và phân bổ	158.932.215	257.466.930
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	419.072.647	550.629.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.519.583.019	6.289.073.311
Chi phí bán hàng khác	3.479.776.598	3.644.115.740
	18.729.909.127	18.100.074.411

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	18.398.492.626	15.159.705.252
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.221.088.242	2.141.073.456
Chi phí thuê	4.881.522.066	2.090.262.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.498.019.315	2.571.192.720
Chi phí quản lý khác	9.126.665.478	12.678.232.516
	36.125.787.727	34.640.466.624

**30. Thu nhập khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Phân loại lại)</b>
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	2.630.334.548	5.380.737.277
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.025.871.820	4.097.700.908
Thu nhập khác	2.828.245.704	2.568.720.448
	7.484.452.072	12.047.158.633

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND (Phân loại lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	312.060.843.186	453.304.521.095
Chi phí nhân công và nhân viên	58.141.499.648	49.305.246.011
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.152.621.373	46.477.655.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.477.054.458	41.665.243.954
Chi phí khác	34.425.099.949	60.563.661.757

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	14.999.269.610	26.352.204.546
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	529.200
	14.999.269.610	26.352.733.746

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.996.348.056	131.760.646.832
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.999.269.610	26.352.129.367
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	604.379
	14.999.269.610	26.352.733.746



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	59.997.078.446	105.407.913.086
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>59.997.078.446</u>	<u>105.407.913.086</u>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	310.312.746.661	590.173.642.793
Bán hàng hóa khác	911.361.500	-
Mua nguyên vật liệu	149.916.331.264	330.737.295.619
Cổ tức	33.660.770.500	38.469.452.000
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>		
Cung cấp dịch vụ	282.502.443	105.000.000
<b>Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên</b>		
Mua công cụ và dụng cụ	5.346.277.200	2.601.260.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.301.310.000	1.296.216.000

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Mua xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	655.000.000	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**36. Số liệu so sánh**

Ngoài một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại, các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	779.196.016.804	769.593.526.278
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	598.575.787.294	597.541.094.078
Thu nhập khác	12.047.158.633	21.574.336.055
Chi phí khác	4.432.281.119	5.391.661.231

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên  
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

